

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thủy sản, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi bổ sung lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thủy sản, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên.

(Có Danh mục và nội dung cụ thể kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế thủ tục hành chính nội bộ số thứ tự 4, mục II thuộc phần I và nội dung tương ứng tại Phần II được ban hành kèm theo Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 30/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường thuộc Tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở KH&CN);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lò Văn Cương

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CÁC LĨNH VỰC THỦY
SẢN, KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
a	Thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành cấp tỉnh		
1	Tiếp nhận, xác lập loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Thủy sản	UBND tỉnh hoặc UBND xã, phường; Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Phê duyệt phương án xử lý loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước	Thủy sản	UBND tỉnh hoặc UBND xã, phường; Sở Nông nghiệp và Môi trường
b	Thủ tục hành chính nội bộ được sửa đổi, bổ sung cấp tỉnh		
1	Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn ngân sách địa phương	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Tiếp nhận, xác lập thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

a) Trình tự thực hiện

1. Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ

Chủ sở hữu thông báo tới: Chi cục Nông nghiệp; kèm theo hồ sơ, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với thực vật, động vật tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Chi cục Nông nghiệp lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TTBNNMT.

2. Bước 2: Xây dựng hồ sơ

Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyển giao là phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tiếp nhận tài sản và các hồ sơ, tài liệu liên quan, Chi cục Nông nghiệp lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP báo cáo, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan được giao thẩm định phương án xác lập tài sản, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính.
- Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.
- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): bản sao.

3. Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại bước 2 này, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập 01 bộ hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản tại Mẫu số 01-QĐXL ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

4. Bước 4: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND tỉnh xem xét quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản.

b) Cách thức thực hiện: không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, gồm:

Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản sao.

- Hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, gồm:

Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính.

Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản sao.

Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): bản sao.

- Hồ sơ của cơ quan thẩm định, gồm:

Văn bản về việc đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính; kèm theo Dự thảo Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi cục Nông nghiệp;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND tỉnh quyết định hoặc UBND cấp xã được ủy quyền.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chi cục Nông nghiệp
- UBND tỉnh quyết định hoặc UBND cấp xã được ủy quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Mẫu số 22: Biên bản bàn giao, tiếp nhận thực vật/động vật/thủy sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-BGTN

BIÊN BẢN
Bàn giao, tiếp nhận thực vật rừng/động vật rừng/thủy sản

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ ⁽¹⁾

Hôm nay, hồi..... giờ phút, ngày...../...../20....., tại:

1. Chúng tôi gồm:

a) Đại diện bên giao:

1. Họ và tên:Chức vụ:

Địa chỉ cá nhân:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Cơ quan, đơn vị:

Địa chỉ cơ quan, đơn vị:

2. Họ và tên:Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

b) Đại diện bên nhận:

1. Họ và tên:Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

Địa chỉ cơ quan, đơn vị:

2. Họ và tên:Chức vụ:

Cơ quan, đơn vị:

c) Người chứng kiến (nếu có):.

1. Họ và tên:Chức vụ:

Địa chỉ cá nhân:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

2. Tài sản bàn giao, tiếp nhận:

TT	Tên thực vật rừng, động vật rừng, thủy	Nhóm	Giới tính	Đơn vị	Số lượng	Kích	Tình trạng	Ghi
----	--	------	-----------	--------	----------	------	------------	-----

	sản giao nhận (bao gồm cá thể hoặc sản phẩm của chúng)		loài ⁽²⁾	(nếu có)	tính	hoặc trọng lượng	thước	của thực vật, động vật rừng, thủy sản ⁽³⁾	chú
	Tên tiếng việt/tên thương mại	Tên khoa học							
1									
2									
3									

Hồ sơ, tài liệu kèm theo (nếu có):

3. Mục đích giao nhận⁽⁴⁾:

4. Trách nhiệm của các bên⁽⁵⁾:

a) Trách nhiệm của bên giao:.....

b) Trách nhiệm của bên nhận:.....

Biên bản này lập hồi... giờ... phút cùng ngày, gồm tờ, được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên; mỗi bên giữ một bản để thực hiện và lưu hồ sơ./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN **NGƯỜI CHỨNG KIẾN** **ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(nếu có)* *(Ký, ghi rõ họ tên)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi căn cứ hoặc lý do để thực hiện việc giao/nhận; ví dụ căn cứ quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, thông báo của chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước.

(2) Nhóm IB hoặc IIB hoặc Phụ lục I hoặc Phụ lục II Công ước CITES hoặc động vật rừng thông thường.

(3) Ghi tình trạng sức khỏe đối với thực vật, động vật rừng, thủy sản còn sống; tình trạng vệ sinh môi trường đối với sản phẩm của động vật rừng, thủy sản.

(4) Ghi cụ thể mục đích, lý do giao/nhận.

(5) Ghi trách nhiệm của 2 bên về việc bảo quản, quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc, xử lý

2. Phê duyệt phương án xử lý loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

a) Trình tự thực hiện:

1. Bước 1: xây dựng hồ sơ:

a1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, Chi cục Nông nghiệp xây dựng 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

- Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

- Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao

- Văn bản của Chi cục Nông nghiệp và Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): bản chính.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

a2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi UBND tỉnh lập phương án xử lý tài sản, hồ sơ gồm:

- Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

2. Bước 2: xây dựng hồ sơ của: Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi cơ quan thẩm định phương án xử lý tài sản, hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản của cơ quan quản lý cấp trên theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

3. Bước 3: Thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan thẩm định phương án xử lý tài sản công có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ xử lý tài sản để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, hồ sơ gồm:

- Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: bản chính.

- Phương án xử lý tài sản công lập theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

4. Bước 4: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan, người được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

1. Hồ sơ cơ quan kiểm lâm sở tại hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành, gồm:

- Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

- Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

- Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

- Văn bản của Chi cục Nông nghiệp và Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): bản chính.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

2. Hồ sơ của: Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản, gồm:

- Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

3. Hồ sơ của cơ quan thẩm định, gồm:

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: bản chính.

- Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Chi cục Nông nghiệp;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Cơ quan được giao thẩm định phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

- UBND tỉnh hoặc cơ quan được UBND tỉnh phân cấp.

f) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan được giao thẩm định phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- UBND tỉnh hoặc cơ quan được UBND tỉnh phân cấp.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: có

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

B. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn ngân sách địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Hàng năm căn cứ nhu cầu hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn, *UBND cấp xã* (Đơn vị được giao quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn), khảo sát, đề xuất dự án gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự toán ngân sách hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Bước 2: Trên cơ sở kinh phí hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn được UBND tỉnh phê duyệt. Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện;

- Bước 3: Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn xây dựng dự án, dự toán kinh phí và phê duyệt để các đơn vị tổ chức thực hiện theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Đề xuất dự án phát triển ngành nghề nông thôn (Thuyết minh và dự toán).

d) Thời hạn giải quyết: Do UBND tỉnh quyết định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn trên địa bàn, *UBND cấp xã*.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định phê duyệt kế hoạch, dự toán triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

- Khoản 4, khoản 5, Điều 39 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.